

Số: /ĐA-UBND

P. Lê Thanh Nghị, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND phường Lê Thanh Nghị

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng theo vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Phường Lê Thanh Nghị là nhiệm vụ cấp thiết, quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, nâng cao công tác quản lý viên chức và hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp, góp phần vào sự phát triển của phường. Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức là một bước quan trọng gắn liền với đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức; đảm bảo cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục sự nghiệp công lập. Động viên, khuyến khích đội ngũ viên chức học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác; nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức trong các cơ sở giáo dục sự nghiệp công lập đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm, việc xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức là cần thiết. Viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ tương ứng với vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, thể hiện được thứ hạng về trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo từng vị trí công tác, đồng thời là căn cứ để xác định cơ cấu viên chức, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá kịp thời chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ khác đối với viên chức.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
2. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025.
3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
4. Nghị định 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về

phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

5. Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/03/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

6. Các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT. Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học; Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

7. Quyết định 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

8. Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

9. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022.

10. Công văn số 2108/UBND-NVKTGS ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau khi hợp nhất; Công văn số 7452/SNV-CCVC ngày 22/9/2025 của Sở Nội vụ về hướng dẫn việc thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau hợp nhất; Công văn số 2083/SGDĐT-TCCB ngày 09/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát,

bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc cấp xã.

11. Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị.

Phần thứ hai

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Lựa chọn được những viên chức đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, đáp ứng các nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho viên chức; khắc phục những bất hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý viên chức;

- Động viên, khuyến khích viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu và nguyên tắc xét thăng hạng

Theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về căn cứ, nguyên tắc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp như sau:

2.1. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật

II. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng

1.1. Viên chức giảng dạy chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập (sau đây gọi chung là giáo viên mầm non, phổ thông công lập) đã được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông, đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập có nhu cầu dự xét thăng hạng lên các chức danh nghề nghiệp sau:

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non: hạng II (mã số V.07.02.25).

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học: hạng II (mã số V.07.03.28).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Căn cứ quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Đối với viên chức hạng IV được xét thăng lên hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề nếu đang làm công việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức danh nghề nghiệp được xét và đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện xét theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

Căn cứ quy định tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2.2.1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II:

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III và tương đương, có 02 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có

phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục trở lên;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non và triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao;

+ Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non; chủ động, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

+ Chủ động tổ chức và phối hợp kịp thời với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Cụ thể:

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) hoặc tương đương từ đủ 03 (ba)

năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2.2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II:

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.
- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.
Cụ thể:

+ Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học và triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao;

+ Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục; chủ động, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

+ Có khả năng vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách;

+ Tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh;

+ Vận dụng được các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục; có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm các sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp trường trở lên;

+ Có khả năng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: tham gia ban giám khảo, thanh tra, kiểm tra; xây dựng và thực hiện được các chuyên đề dạy học;

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; hoặc được nhận bằng khen, giấy khen từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên; hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi từ cấp trường trở lên, giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Cụ thể:

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự

xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) nếu đã có bằng thạc sỹ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN của viên chức bao gồm:

- (1) Đơn xin đăng ký dự xét thăng hạng CDNN (theo mẫu);
- (2) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;
- (3) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức (hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;
- (4) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức, gồm:
 - Bản phô tô văn bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, thạc sỹ,... phù hợp với vị trí việc làm quy định;
 - Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp phù hợp theo yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng. (Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ)
- (5) Bản sao các quyết định liên quan: Quyết định tuyển dụng; Quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; Quyết định nâng bậc lương gần nhất, Quyết định đánh giá xếp loại, chất

lượng xét thăng hạng của cấp có thẩm quyền tương ứng số năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của hạng dự xét;

6. Bản sao minh chứng bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh,...theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với viên chức dự xét thăng hạng theo quy định.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng được sắp xếp theo thứ tự nêu trên và được đựng trong túi giấy có kích thước 250 x 340 x 05 mm.

Lưu ý:

- Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về điều kiện, tiêu chuẩn đối với viên chức được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng II, hạng I đảm bảo không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật; không đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; không đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

- Việc xác định thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp tương đương theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, CÁCH XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung xét thăng hạng:

Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định khoản 19, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các quy định cụ thể tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. Thông tư 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư 06/2022/TT BNV ngày 28/6/2022 của Bộ nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

3.1. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng không quá số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

(1) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Điều 3 hoặc Điều 4 với giáo viên mầm non; Điều 5 hoặc Điều 6 với giáo viên tiểu học; Điều 7 hoặc Điều 8 với giáo viên trung học cơ sở của Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Điều 11 đối với nhân viên văn thư của Thông tư 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ và khoản 8, Điều 1 của Thông tư 06/2022/TT BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021.

(2) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

3.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

(1) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Điều 3 hoặc Điều 4 với giáo viên mầm non; Điều 5 hoặc Điều 6 với giáo viên tiểu học; Điều 7 hoặc Điều 8 với giáo viên trung học cơ sở của Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều 11 đối với nhân viên văn thư của Thông tư 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ và khoản 8, Điều 1 của Thông tư 06/2022/TT BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021.

(2) Viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng được xác định trong số viên chức có thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp tại khoản 4 Mục IV của Đề án này từ 1 cho đến hết chỉ tiêu theo từng đơn vị.

(3) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

Lưu ý: Viên chức không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN lần này thì không được bảo lưu kết quả xét thăng hạng CDNN cho các kỳ xét thăng hạng CDNN lần sau.

4. Thứ tự ưu tiên trong xét thăng hạng

Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

Thứ tự thành tích ưu tiên theo cấp độ từ cao xuống thấp như sau:

(1) Huân chương lao động, Nhà giáo ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

(2) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Chiến sỹ thi đua thành phố/tỉnh; Bằng khen của Thành uỷ/Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND thành phố/tỉnh (khen thưởng công trạng).

(4) Bằng khen của bộ, ban, ngành, thành phố, tỉnh (khen thưởng phong trào thi đua, khen thưởng đột xuất).

(5) Bằng khen của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội của thành phố/tỉnh.

(6) Chiến sỹ thi đua cơ sở.

(7) Giấy khen của các sở, ngành, đoàn thể cấp thành phố/Tỉnh.

(8) Giấy khen cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới).

Lưu ý:

+ Thứ tự khen thưởng tính từ cao xuống thấp, khen thưởng công trạng trước, phong trào thi đua, đột xuất sau.

+ Các thành tích trong cùng một cấp độ là tương đương.

+ Nếu trong cùng mức cấp độ thành tích (ví dụ ở mức 7 - Giấy khen của các sở, ngành, đoàn thể cấp thành phố/Tỉnh) thì viên chức có số minh chứng nhiều hơn được xác định là thành tích cao hơn.

b) Viên chức là nữ;

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Minh chứng để xét nội dung ưu tiên trên gồm: bản sao các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các thông tin trong hồ sơ cá nhân (quy định thành phần hồ sơ đăng ký xét thăng hạng) làm căn cứ xác định nội dung ưu tiên.

Trong trường hợp xét theo thứ tự ưu tiên vẫn không xác định được người trúng tuyển thì kết quả xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng quyết định theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

5. Thông báo kết quả xét thăng hạng

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

c) Trong trường hợp Hội đồng xét thăng hạng đã thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng mà phát hiện viên chức trúng tuyển vi phạm các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật; sử dụng các văn bằng, chứng chỉ, văn bản không hợp lệ (nộp trong hồ sơ dự xét thăng hạng) ...

thì huỷ kết quả trúng tuyển với viên chức đó, đồng thời không bổ sung viên chức khác thay thế.

V. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VÀ DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Số lượng, cơ cấu thăng hạng CDNN theo quy định

(theo Quyết định của Ủy ban nhân dân về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quản lý và hướng dẫn tại Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)

TT	Cấp học	Hạng chức danh nghề nghiệp (không tính lãnh đạo, quản lý)			Ghi chú
		Hạng III	Hạng II	Hạng I	
1	Mầm non	Không quá 40%	Không quá 50%	Không quá 10%	- Số người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung đảm bảo chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị. - Tạm thời không thực hiện xét thăng hạng CDNN với những đơn vị có tỉ lệ viên chức theo CDNN (không bao gồm lãnh đạo, quản lý) ở Hạng vượt quá tỉ lệ quy định. - Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì số còn thiếu được cộng vào hạng thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định.
2	Tiểu học	Không quá 40%	Không quá 50%	Không quá 10%	
3	THCS	Không quá 40%	Không quá 50%	Không quá 10%	

2. Danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện

Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học; Thông tư 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ.

Căn cứ kết quả tổng hợp nhu cầu của các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trực thuộc quản lý; Ủy ban nhân dân thẩm định và đề xuất số lượng, chỉ tiêu thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II của các trường trực thuộc quản lý.

(Chi tiết tại các phụ lục cơ cấu và phụ lục danh sách kèm theo)

VI. DỰ KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định. Thành phần Hội đồng xét thăng hạng dự kiến có 07 thành viên gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch UBND phường.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.
- Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng, trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng:

+ Dự kiến số lượng: 05 người: Thành phần tham gia: các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở cử đại diện 01 lãnh đạo quản lý có chuyên môn liên quan tới việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tham gia thành viên Hội đồng (tổng số 03 thành viên); 02 chuyên viên phòng Văn hóa - Xã hội chuyên môn liên quan tới việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tham gia thành viên Hội đồng (trong đó 01 chuyên viên là Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng).

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết.

Hội đồng xét thăng hạng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ); Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người dự xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

VII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

- Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Dự kiến tổ chức trong tháng 06/2026.
- Địa điểm: Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường Lê Thanh Nghị, số 312 đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tham mưu xây dựng Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026;
- Sau khi Sở Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến, Sở Nội vụ quyết định chỉ tiêu thăng hạng, tham mưu UBND phường thông báo công khai Đề án xét thăng hạng; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện việc tổ chức kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026 theo đúng quy định.
- Tham mưu thành lập Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026; Ban Giám sát, Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng.
- Tham mưu cho Hội đồng xét thăng hạng báo cáo Chủ tịch UBND phường công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026.
- Tham mưu thông báo danh sách và dự kiến xếp lương viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2026.

2. Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức các cơ sở giáo dục công lập năm 2026

- Chịu trách nhiệm xét thăng hạng CDNN từ hạng đối với cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định hiện hành.
- Quyết định thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng. Căn cứ báo cáo của Ban Thẩm định hồ sơ, Hội đồng xét thăng hạng CDNN tổ chức xét thăng hạng; Hội đồng xét thăng hạng CDNN làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số.
- Báo cáo Chủ tịch UBND phường phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

3. Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc

- Thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức các cơ sở giáo dục công lập năm 2026 tới viên chức đơn vị.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức giáo viên được cử dự xét thăng hạng. Thực hiện rà soát viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật tại đơn vị.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng CDNN viên chức..

Trên đây là Đề án tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND Phường Lê Thanh Nghị. Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng, đơn vị phường;
- Các CSGD công lập trực thuộc;
- Công TTĐT phường;
- Lưu: VT, VHXX.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Phúc